

TRANG BÌA

bìa sau-A4

bìa trước-A4

ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

MIỄN TIỀN
THUÊ ĐẤT
11 HOẶC
15 NĂM

MIỄN THUẾ
NHẬP KHẨU

ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

THUẾ SUẤT

10 %
15 NĂM

TRONG ĐÓ

MIỄN THUẾ
0 %
4 NĂM ĐẦU TIÊN

GIẢM
50 %
9 NĂM TIẾP THEO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

HẬU GIANG

TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ
VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

“DOANH NGHIỆP ĐẾN HẬU GIANG ‘VUI’”



NGÀNH NGHỀ THU HÚT ĐẦU TƯ

INDUSTRIES ATTRACTING INVESTMENT

- | | |
|--|--|
| 01 Nhóm ngành Sản xuất chế biến thực phẩm (C10) | 01 A group of food processing productions (C10), |
| 02 Nhóm ngành Sản xuất đồ uống (C11) | 02 A group of beverage productions (C11) |
| 03 Nhóm ngành Sản xuất trang phục (C14) | 03 A group of costumes productions (C14) |
| 04 Nhóm ngành Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (C21) | 04 A group of pharmaceutical chemical and pharmaceutical material productions (C21) |
| 05 Nhóm ngành Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (C23) | 05 A group of products from other non-metallic minerals (C23) |
| 06 Nhóm ngành Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (C25) | 06 A group of products from prefabricated metal (except machinery and equipment) (C25) |
| 07 Nhóm ngành Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (C26) | 07 A group of electronic, computer and optical productions (C26) |
| 08 Nhóm ngành Sản xuất thiết bị điện (C27) | 08 A group of electrical equipment productions (C27) |
| 09 Nhóm ngành Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đầu (C28) | 09 A group of machine and equipment not classified in any category productions (C28) |
| 10 Nhóm ngành Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác (C29) | 10 A group of automobiles and other motor vehicles productions (C29) |
| 11 Nhóm ngành Sản xuất phương tiện vận tải khác (C30) | 11 A group of the other means of transport productions (C30) |
| 12 Nhóm ngành Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (C31) | 12 A group of bed, wardrobe, table and chair productions (C31) |
| 13 Nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo khác (C32) | 13 A group of the other processing and manufacturing industries (C32) |
| 14 Nhóm ngành Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị (C33) | 14 A group of repair, maintenance and installation of machinery and equipment (C33) |
| 15 Nhóm ngành Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí (D35) | 15 A group of producing and distributing electricity, gas, hot water, steam and air conditioning (D35) |
| 16 Nhóm ngành Khai thác, xử lý và cung cấp nước (E36) | 16 A group of exploiting, treating and supplying water (E36) |
| 17 Nhóm ngành Thoát nước và xử lý nước thải (E37) | 17 A group of drainage and waste water treatment (E37) |
| 18 Nhóm ngành Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (H52) | 18 A group of warehousing and support activities for transportation (H52) |
| 19 Các ngành đóng góp ngân sách cao, lĩnh vực công nghệ cao, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường | 19 Industries with high budget contribution Industries of high and advanced environmentally friendly technologies |

Đối với các ngành nghề sản xuất công nghiệp khác không nằm trong các danh mục trên thì được xem xét giải quyết đầu tư vào khu công nghiệp theo quy định hiện hành, đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành nghề của khu công nghiệp và phù hợp với ngành nghề trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt của khu công nghiệp.

Hậu Giang là tỉnh ở trung tâm châu thổ Mê Kông, thành phố Vị Thanh cách thành phố Hồ Chí Minh 240km về phía Tây Nam; cách thành phố Cần Thơ 60km theo quốc lộ 61 và chỉ cách 40km theo đường nối thành phố Vị Thanh - Thành phố Cần Thơ.

Tỉnh Hậu Giang phía Bắc giáp Thành phố Cần Thơ - Trung tâm động lực thu hút các nguồn lực của vùng ĐBSCL; phía nam giáp tỉnh Sóc Trăng; phía Đông giáp sông Hậu có nhiều tiềm năng lớn về cung cấp nước ngọt, vận tải đường sông, đường biển, trục đường thủy chính vào cảng quốc tế Cái Cui, Cần Thơ; phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang và tỉnh Bạc Liêu.

- Dân số tỉnh Hậu Giang khoảng 729.888 người.

- Diện tích tự nhiên 1.622km²
- Đơn vị hành chính: Tỉnh có 08 đơn vị hành chính, bao gồm: 02 thành phố (Vị Thanh và Ngã Bảy); 05 huyện (Châu Thành, Châu Thành A, Phụng Hiệp, Long Mỹ, Vị Thủy); 01 thị xã Long Mỹ.

Hau Giang is a province in the center of the Mekong Delta, The Vi Thanh city is 240km southwest of Ho Chi Minh City, 60km from Can Tho city along 61 highway, 40km from the road connecting Vi Thanh - Can Tho.

Hau Giang province borders Can Tho City to the North - Can Tho City is the center to attract resources of the Mekong Delta; the South borders on Soc Trang province; the East borders on Hau river - Hau river has great potentials for fresh water supply, river and sea transportation and main waterways to Cai Cui and Can Tho international ports; the West borders on Kien Giang and Bac Lieu province.

- Population: about 729.888 people.

- Natural land: 1.622 km²
- Administrative unit: Hau Giang province has 08 administrative unit, comprising 02 city (Vi Thanh and Nga Bay) and 05 districts (Chau Thanh, Chau Thanh A, Phung Hiep, Long My, Vi Thuy); 01 Long My town.



NHỮNG THUẬN LỢI ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG

1. LÃNH ĐẠO TỈNH ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NGHIỆP

Lãnh đạo tỉnh luôn quan tâm và huy động mọi nguồn lực để phát triển công nghiệp với phương châm "Doanh nghiệp đến, Hậu Giang vui".

2. VỊ TRÍ THUẬN LỢI

Các Khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang được quy hoạch tiếp giáp với thành phố Cần Thơ. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho NĐT khi tận dụng được cơ sở hạ tầng của Tp. Cần Thơ.

3. THUẬN TIỆN GIAO THÔNG

Các KCN tỉnh kết nối hệ thống giao thông quốc gia (đường bộ, hàng không, thủy) dễ dàng và thuận tiện:

Đường bộ: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 91B, Quốc lộ 61C và nhiều tuyến tỉnh lộ.

Đường hàng không: Cách sân bay Quốc tế Cần Thơ khoảng 15 km.

Đường thủy: Giáp Sông Hậu (Cảng Hậu Giang, Cảng Cái Cui) và Kênh Xáng Xà No

4. THỦ TỤC "MỘT CỬA - MỘT CỬA LIÊN THÔNG"

Tất cả các thủ tục hành chính được thực hiện một cửa tại chỗ và một cửa liên thông tại Ban Quản lý các khu công nghiệp.

5. ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ LÀ CAO NHẤT

Doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% và áp dụng trong 15 năm, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp. Được Miễn tiền thuê đất 11 năm hoặc 15 năm tùy vào ngành nghề. Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định.

6. THỜI GIAN SỬ DỤNG ĐẤT

Nhà đầu tư được sử dụng đất 50 năm, trả tiền thuê đất một lần hoặc hàng năm.

7. NHÂN LỰC - ĐÀO TẠO

Tỉnh Hậu Giang tiếp giáp với 05 tỉnh thành trong khu vực do vậy nguồn lao động rất dồi dào, đa phần là dân địa phương và tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Vĩnh Long ...

8. TIỆN ÍCH

Nhà đầu tư được cung cấp điện, nước và các dịch vụ hạ tầng đến hàng rào dự án.

ADVANTAGES OF INVESTING IN THE INDUSTRIAL PARK OF HAU GIANG PROVINCE

1. PROVINCIAL LEADERS ACCOMPANY ENTERPRISES

Provincial leaders always pay attention and mobilize all resources for industrial development with the motto "Enterprises come, Hau Giang is happy".

2. CONVENIENT LOCATION

Hau Giang industrial zones and clusters are planned to be adjacent to Can Tho city and Soc Trang province. This is a favorable condition for investors to take advantage of the city's infrastructure Can Tho.

3. CONVENIENT TRANSPORTATION

Provincial industrial zones connect national transportation system (road, air and water) easily and conveniently as:

Roads: 1A National Road, Nam Song Hau Road, 61C Road and many provincial roads.

Airway: About 15 km from Can Tho International Airport. Waterway: Vinalines Port, Cai Cui Port and Tan Cang Can Tho.

4. "ONE-STOP - ONE-STOP SHOP" PROCEDURE

All key executives are made one-stop-shop at the Management Board.

5. INVESTMENT INCENTIVES ARE THE HIGHEST

Enterprises enjoy the preferential tax rate of 10% and apply for 15 years, are exempt from corporate income tax for 04 years, and reduce 50% of payable tax for the next 9 years. Exemption from land rent for 11 years or 15 years depending on the industry, exempted from import tax on goods imported to create fixed assets.

6. DURATION OF LAND USE

Investors can use the land for 50 years and pay land rent once or annually.

7. HUMAN RESOURCES - TRAINING

Hau Giang province is adjacent to 05 provinces and cities in the region, so the labor force is plentiful, mostly local people and Soc Trang, Bac Lieu and Vinh Long provinces ... so the job rate is very low.

8. UTILITIES

Investors can use services such as electricity, water and other services to the project fence.

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ INVESTMENT ATTRACTION POLICY

Vị trí các KCN, CCNTT được quy hoạch nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khi thành lập pháp nhân mới nhà đầu tư được hưởng ưu đãi như sau:

1. Về thuế thu nhập Doanh nghiệp:

- Được hưởng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp 10% và áp dụng trong 15 năm.
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

- Cơ sở pháp lý: Theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013.

2. Về đất đai:

- Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 11 năm khi đầu tư trong các KCN, CCNTT của Hậu Giang.
- Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 15 năm khi đầu tư dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.
- Cơ sở pháp lý: Theo quy định tại khoản 3, Điều 19, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

3. Về thuế nhập khẩu:

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư.
- Cơ sở pháp lý: Căn cứ Khoản 11, Điều 16, Luật thuế Xuất Nhập Khẩu 107/2016/QH13.

Industrial zones and industrial groups located in area with specially difficult socio-economic condition so Enterprise establishes a new legal entity in Hau Giang province will be enjoy incentive policies such as:

1. Incentive on Corporate income tax:

- Enterprises enjoy the preferential tax rate of corporate income tax of 10% and applied for 15 years.

- Enterprises are exempt from corporate income tax for 04 years, and reduce 50% of the tax payable in the next 09 years.

- Legal basis: According to the provisions of the article 15, 16 of the Decree No 218/2013/ND-CP on December 26, 2013.

2. Incentive on Land

- Enterprises are exempt land rent and water surface rent for 11 years when the investment project in IZ of Hau Giang province.

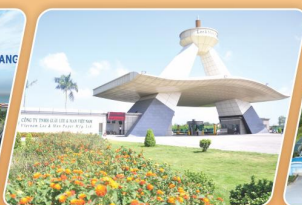
- Enterprises are exempt land rent and water surface rent for 15 years when the investment project are on the list of areas of investment incentives.

- Legal basis: According to the provisions of Clause 3, Article 19 of Decree No. 46/2014/ND-CP dated May 15, 2014.

3. Import Tax:

- Enterprises are exempt from import duty for goods imported to form fixed assets; materials, supplies and components to implement investment projects.

Legal basis: According to the provisions of Article 16 of the Law on Export and Import Tax No. 107/2016/QH13.



投資吸引政策 (Chinese)

投资者在社会经济条件极其困难地区的工业集中区、工业园投资时可享有如下优惠政策:

1. 关于企业所得税:

于后江成立新法人时, 投资者可享以下优惠:

可享10%企业所得税率优惠, 优惠期限15年。

免征企业所得税4年, 其后9年减免50%应纳税额。

法律依据: 根据政府2013年12月26日颁布的第218/2013/ND-CP号法令第16条规定。

2. 关于用地:

企业于后江各工业集中区、工业园投资时, 可免11年土地、水面租金。

企业投资于优惠领域项目时, 可免15年土地、水面租金。

法律依据: 根据政府2014年5月15日颁布的第46/2014/ND-CP号法令第19条第3款规定。

3. 关于进口税:

对用于制造固定资产之货物; 实施投资项目之原材料、物质和零部件免征进口关税。

法律依据: 根据第107/2016/QH13号“进出口税法”第16条规定。

투자 유치 정책 (Korean)

산업 지역 및 공업 그룹이 특히 어려운 사회 경제적 조건을 가진 지역에 위치하여 기업이 프로젝트를 투자 할 때 다음과 같은 인센티브 정책을 누릴 수 있습니다.

1. 기업소득세에 대한 인센티브:

기업은 **Hau Giang** 지방에 새로운 법인을 설립하여 다음과 같은 인센티브 정책을 누릴 수 있습니다.

기업은 **10%**의 기업소득세 우대세율을 향유하고 **15**년 동안 적용됩니다.

기업은 법인 소득세에서 **4**년간 면제되며, 향후 **09**년에 납부할 세금의 **50%**까지 감면됩니다.

법적 근거: **2016**년 **12**월 **26**일에 학위번호 **218/2013/ND-CP**의 **15**조 **16**항의 규정에 따라.

2. 토지에 대한 인센티브

기업은 **Hau Giang** 지방의 **IZ**에 투자 프로젝트가 있을 때 면제된 토지 임대료 및 물 표면 임대료를 **11**년간 보유합니다.

기업은 **15**년 동안 투자 인센티브 분야의 투자 프로젝트를 실시할 때 면제 토지 임대료 및 수면 임대료를 합니다.

법적 근거: **2014**년 **5**월 **15**일 법령 **No. 46/2014/ND-CP**의 **19**조 **3**항의 조항에 의거.

3. 수입세:

기업은 고정 자산을 만들기 위해 수입된 상품에 대한 수입 관세가 면제됩니다. 자재, 소모품 및 구성 요소를 투자 프로젝트에 사용합니다.

법적 근거: 수출입세법 제 **107/2016/QH13**의 **Articulos 16** 조항에 의거.

投資誘致ポリシー (Japanese)

工業地帯、および特に社会経済的に困難な状況にある工業地帯に位置する工業地帯であるため、企業の投資プロジェクトは、下記の通りである:

1. 法人所得税に対するインセンティブ:

企業は**Hau Giang**県に新しい法人を設立し、以下のようなインセンティブ政策を享受する。

企業は企業所得税の優遇税率**10%**を享受し、**15**年間適用される。

企業は**04**年間法人所得税を免除され、今後**9**年間で未払税額の**50%**に減額される。

法的根拠: **2016**年**12**月**26**日の学位番号**218/2013/ND-CP**の第**15**条、第**16**条の規定に基づき。

2. 土地へのインセンティブ

Hau Giang県の工業団地、工業区への投資プロジェクトが行われた**11**年間、企業は土地賃貸料と水面賃貸料を免除される。

投資計画が投資奨励金の分野のリストに載っている場合、企業は**15**年間、土地賃貸料および水面賃貸料を免除される。

法的根拠: **2014**年**5**月**15**日付けの第**3**条第**19**条、政令第**46/2014 / ND-CP**の規定に基づき。

3. 輸入税について:

企業は、投資プロジェクトを実施するための材料、供給品および部品固定資産を形成するために輸入された商品の輸入関税を免除される。

法的根拠: 輸出税及び輸入税に関する法律第**16**条の**107/2016/QH13**に基づく

CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang (BQL) quản lý 02 Khu công nghiệp, 03 Cụm công nghiệp tập trung và Trung tâm Điện lực Sông Hậu (KCN, CCNTT, TTĐLSH), với quy mô diện tích khoảng 1.169 ha. Các KCN, CCNTT được bố trí tại các vị trí thuận lợi về giao thông thủy bộ như: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 91B Sông Hậu, Cảng Hậu Giang, Cái Cui Cách trung tâm Thành phố Cần Thơ khoảng 10km

Vị trí KCN, CCNTT gần nguồn nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản và có lực lượng lao động dồi dào tại địa phương và ĐBSCL. Đây là điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

Diện tích các KCN, CCNTT và TTĐLSH như sau:

KCN Sông Hậu- giai đoạn 1: 290 ha
KCN Tân Phú Thạnh -giai đoạn 1: 201 ha
CCNTT Phú Hữu A giai đoạn 1: 121 ha
Cụm CCNTT Phú Hữu A giai đoạn 3: 50ha
CCNTT Đông Phú - giai đoạn 1: 60 ha
Trung Tâm Điện Lực Sông Hậu: 355 ha

Quy hoạch mới các KCN 2021-2025: Planning of industrial zones 2021-2025

KCN Đông Phú: 120 ha
KCN Đông Phú 2: 234 ha
KCN Sông Hậu 2: 430 ha

INDUSTRIAL ZONES AND INDUSTRIAL GROUPS IN HAU GIANG PROVINCE

Hau Giang industrial zone authority (IZA) manages 02 Industrial zones, 03 Industrial groups and Song Hau Power plant center with the total area about 1.169 ha. They located at a convenience location for transportation such as: Nam Song Hau national road, 1A national road, Hau river, Cai Cui Port... Away from Can Tho City 10km

Moreover, they located near the raw material of agriculture, aquaculture product, consumer market, and the local workforce and the Mekong Delta. These are favorable conditions for attracting domestic and foreign investment.

The detail area of them as below:

Song Hau industrial zone- stage 1: 290 ha
Tan Phu Thanh IZ-STAGE 1: 201 ha
Phu Huu A IG-STAGE 1: 121 ha
Dong Phu IG-STAGE 1: 120 ha
Song Hau power center: 355 ha.

Dong Phu Industrial Park: 120 ha.
Dong Phu 2 Industrial : 234 ha.
Song Hau 2 Industrial : 430 ha.

KHU CÔNG NGHIỆP TÂN PHÚ THẠNH GIAI ĐOẠN 1

DIỆN TÍCH 201 HA

Ngành nghề thu hút đầu tư

Vị trí: Xã Tân Phú Thạnh, Châu Thành A, Hậu Giang

- Nhóm ngành Sản xuất chế biến thực phẩm (C10).
- Nhóm ngành Sản xuất trang phục (C14).
- Nhóm ngành Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (C21).
- Nhóm ngành Sản xuất thiết bị điện (C27).
- Nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo khác (C32).
- Nhóm ngành Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải (H52).
- Nhóm ngành Khai thác, xử lý và cung cấp nước (E36).

TAN PHU THANH INDUSTRIAL PARK STAGE 1

AREA: 201 HA

Industry attracting investment

Location: Tan Phu Thanh ward, Chau Thanh A District, Hau Giang

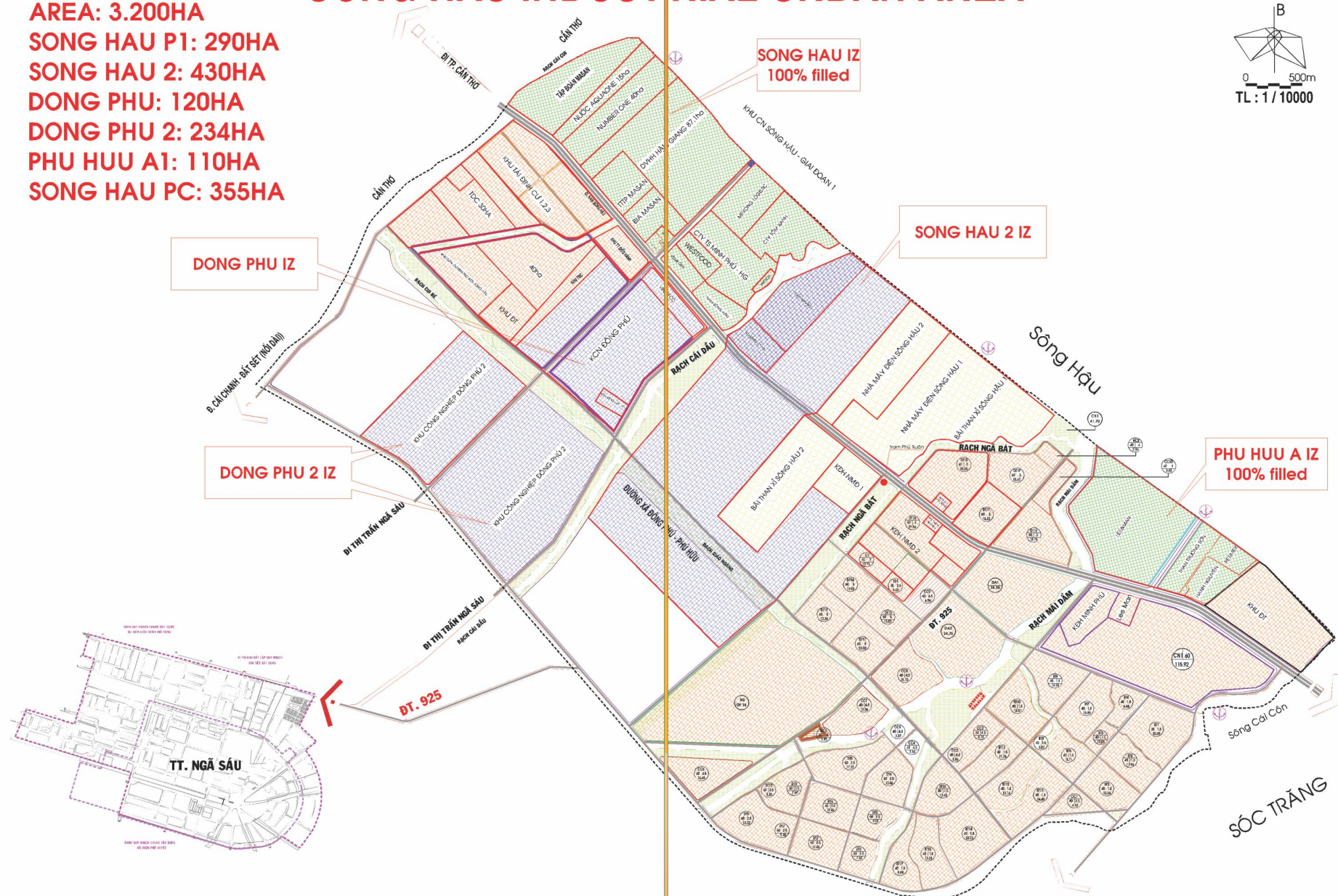
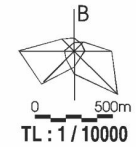
- Food processing industry group (C10).
- Clothing manufacturing industry group (C14).
- Group of industries Manufacture of drugs, pharmaceutical chemicals and medicinal herbs (C21).
- Electrical equipment manufacturing group (C27).
- Group of other processing and manufacturing industries (C32).
- Warehousing and supporting activities for transportation (H52).
- Group of industries Exploiting, treating and supplying water (E36).

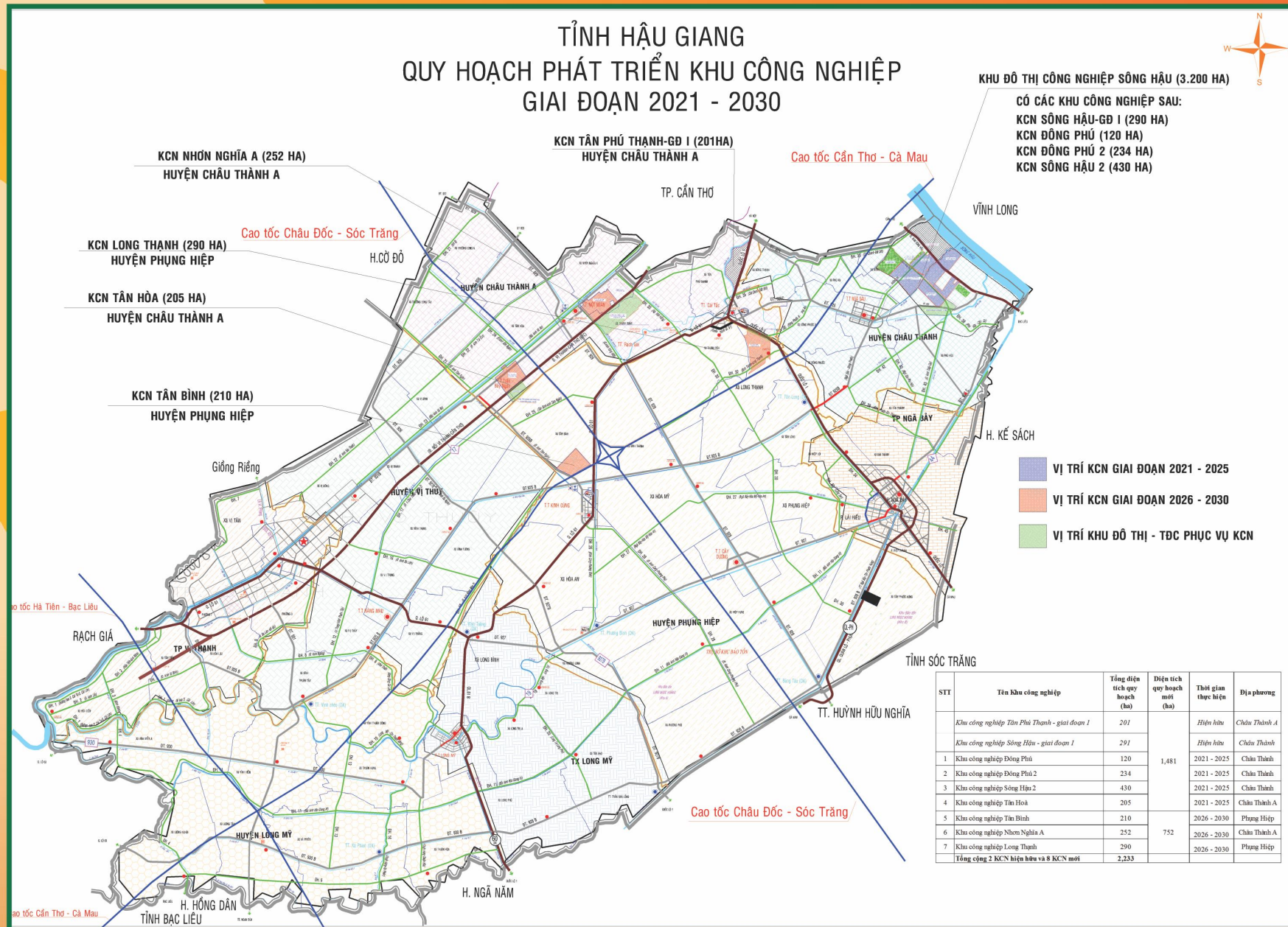
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
KCN TÂN PHÚ THẠNH - GIAI ĐOẠN 1**



SONG HAU INDUSTRIAL URBAN AREA

AREA: 3.200HA
 SONG HAU P1: 290HA
 SONG HAU 2: 430HA
 DONG PHU: 120HA
 DONG PHU 2: 234HA
 PHU HUU A1: 110HA
 SONG HAU PC: 355HA





KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG HẬU - GIAI ĐOẠN 1 DIỆN TÍCH: 291 ha

Vị trí: Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Phía Đông Bắc: giáp Sông Hậu.

Phía Tây Bắc: giáp rạch Cái Cui.

Phía Tây Nam: giáp Quốc lộ 91B

Phía Đông Nam: giáp rạch Cái Dầu.

SONG HAU INDUSTRIAL PARK - STAGE 1 AREA: 291 ha

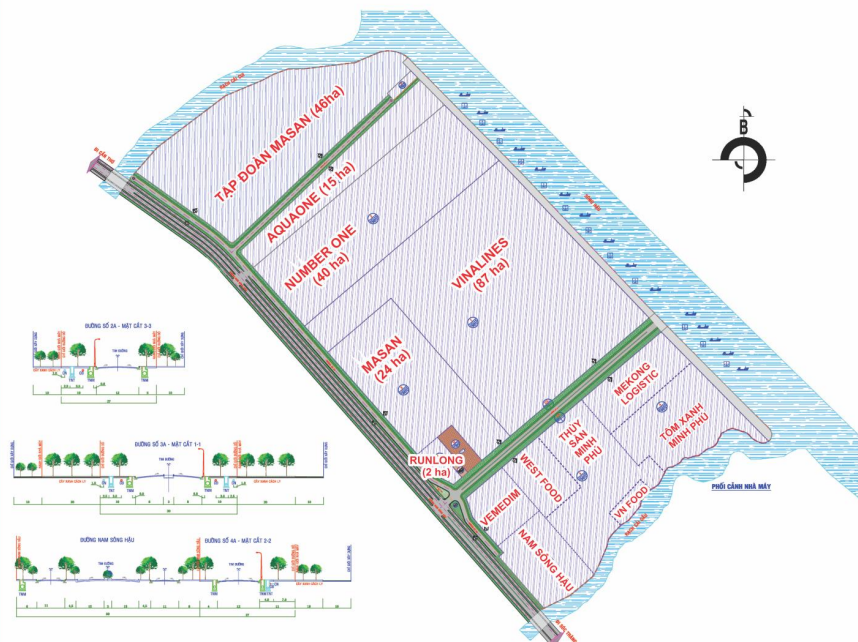
Location: Dong Phu ward, Chau Thanh district, Hau Giang province.

The North East: borders on Hau river.

The North West: borders on Cai Cui canal.

The South West: borders on 91B national road.

The South East: borders on Cai Dau canal.



KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG HẬU 2 DIỆN TÍCH 430 HA

Vị trí:

- + Phía Đông Bắc giáp Sông Hậu;
- + Phía Đông Nam giáp bãi xử nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2;
- + Phía Tây Bắc giáp rạch Cái Dầu;
- + Phía Tây Nam giáp đất công nghiệp.

Ngành nghề thu hút đầu tư

Các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp, sản xuất, lắp ráp xe máy, ô tô và các ngành cơ khí khác, kho bãi, dịch vụ hậu cần logistics...

SONG HAU INDUSTRIAL PARK 2 AREA: 430 HA

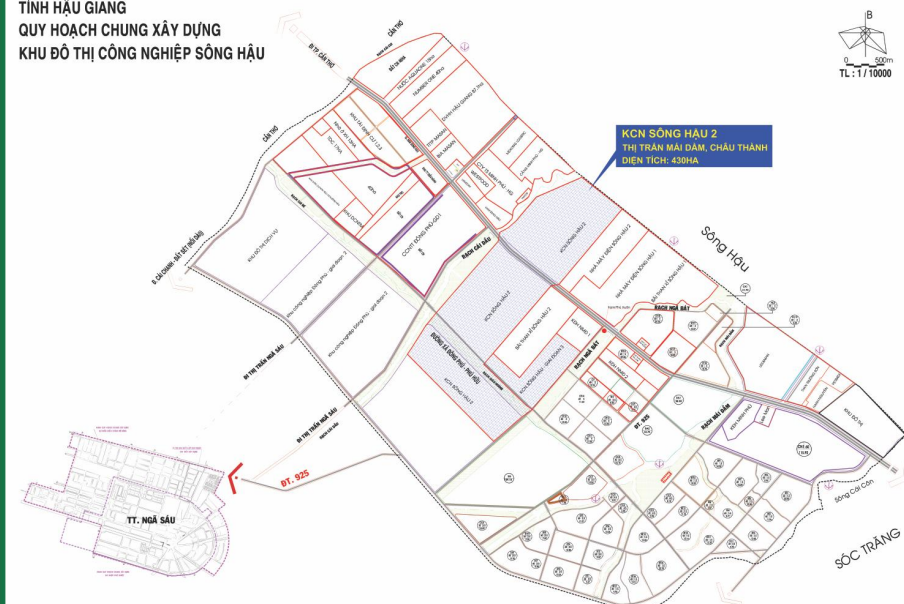
Location:

- + The Northeast borders on Hau River;
- + The Southeast borders on the yard of Song Hau 2 thermal power plant;
- + The Northwest borders on Cai Dau Canal;
- + To the southwest borders on industrial land.

Industry attracting investment

Construction materials manufacturing industries, manufacturing machinery and equipment for industrial production, manufacturing and assembling motorcycles, cars and other mechanical industries, warehousing, logistics services...

TỈNH HẬU GIANG
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG
KHU ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SÔNG HẬU



KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔNG PHÚ DONG PHU INDUSTRIAL PARK

DIỆN TÍCH: 120 ha.

AREA: 120 ha.

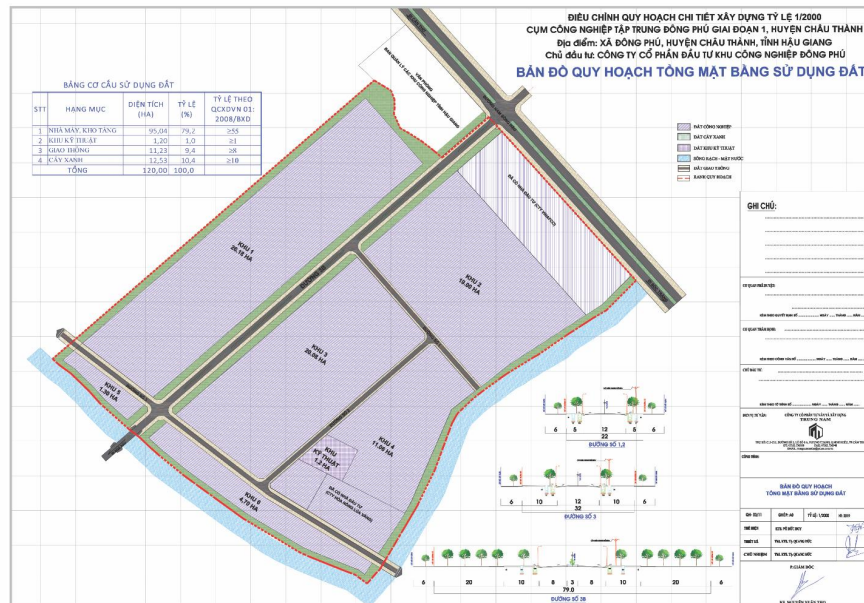
- **Vị trí:** Xã Đông Phú, huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang.

- **Location:** Dong Phu ward, Chau Thanh district, Hau Giang province.

NGÀNH NGHỀ KÊU GỌI ĐẦU TƯ

- May mặc.
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải.
- In, sao chép bản ghi các loại.
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học.
- Sản xuất thiết bị điện.
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân được vào đầu.
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác.
- Công nghệ chế biến, chế tạo khác.
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn.
- Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.

- Sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng.
- Các ngành, lĩnh vực công nghệ, tiên tiến công nghệ thân thiện với môi trường.
- Sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.
- Sản xuất, chế biến sản phẩm từ lương thực, thực phẩm.
- Sản xuất đồ uống.
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Sản xuất kim loại.



KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔNG PHÚ 2

DIỆN TÍCH: 234 HA

- **Vị trí:** Xã Đông Phú, huyện Châu Thành tỉnh Hậu Giang.

ĐÔNG PHU INDUSTRIAL PARK 2

AREA: 234 HA

- **Location:** Dong Phu ward, Chau Thanh district, Hau Giang province.

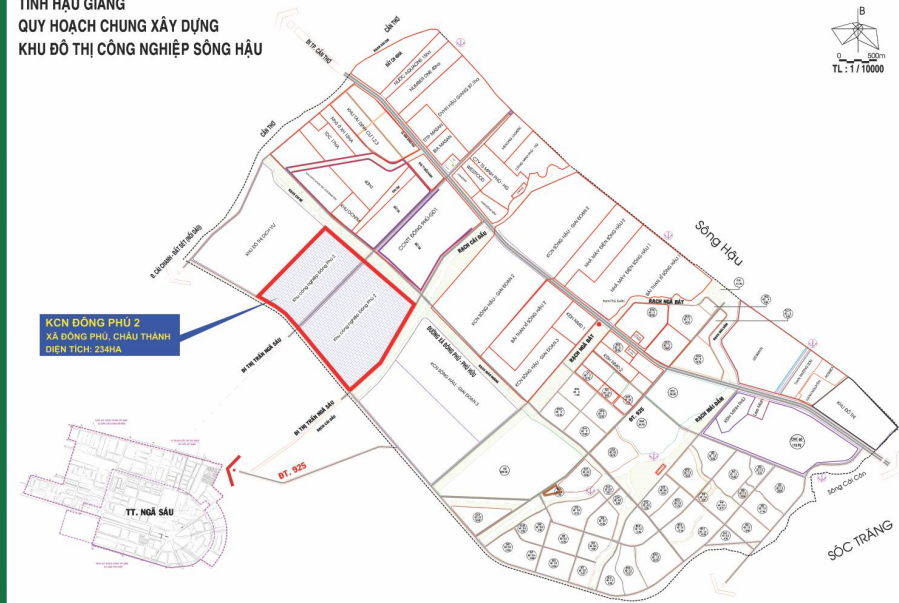
Ngành nghề thu hút đầu tư

Ngành công nghiệp chế biến, cơ khí, điện tử, năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ "cao, mới, sạch, tiết kiệm", chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ...

Industry attracting investment

Processing industry, mechanical engineering, electronics, renewable energy, supporting industries, giving priority to projects using "high, new, clean and economical" technology, transferring technology, training human resources. force in place...

TỈNH HẬU GIANG
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG
KHU ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SÔNG HẬU



TRUNG TÂM ĐIỆN LỰC SÔNG HẬU

DIỆN TÍCH: 355 ha

Vị trí: Thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Trung tâm có công suất 3.200 MW. Hiện tại Tập đoàn dầu khí Việt Nam đầu tư xây dựng đi vào hoạt động nhà máy nhiệt điện Sông Hậu I (công suất 1.200 MW) 43.000 tỷ đồng. Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu II (Công suất 2.120 MW) do Tập đoàn TOYO Ink Group (Malaysia) đầu tư với số vốn khoảng 3,2 tỷ USD. Dự kiến tiến hành xây dựng trong năm 2027.

SONG HAU POWER CENTER

AREA: 355 ha

Location: Mai Dam town, Chau Thanh district, Hau Giang province.

The center has rate capacity of 3.200 MW. At present, the PVN Group invested in Song Hau power plant I (Rate capacity 1.200 MW) with total capital 43.000 million VND. The Song Hau II Power plant (Rate capacity 2.120 MW) will invest by TOYO Ink Group (Malaysia) with total capital about 3.2 billion USD. They planned construct in 2027.



Ảnh Trung tâm điện lực Sông Hậu - Song Hau Power Plan Center

TIÊU CHÍ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẬU GIANG

TIÊU CHÍ THU HÚT NHÀ ĐẦU TƯ THỨ CẤP

I. NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Vốn sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án có tối thiểu từ 20% (đối với dự án có diện tích dưới 20 ha) và 15% (đối với dự án có diện tích từ 20 ha trở lên) so với tổng mức đầu tư dự án (ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư có vốn chủ sở hữu cao hơn)

II. NỘP NGÂN SÁCH

Dự án đầu tư có đóng góp vào ngân sách tỉnh từ 10 tỷ đồng/năm/ha sau thời gian ưu đãi thuế. (ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư đóng góp cao nhất và sử dụng nguồn nguyên liệu của địa phương từ 70% trở lên)

III. SUẤT ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

Suất đầu tư dự án từ 50 tỷ đồng/ha trở lên (Trừ ngành kho bãi)

IV. QUẢN LÝ, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư có phương án quản lý, bảo vệ môi trường khả thi

V. LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ

Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến, sử dụng lao động có tay nghề cao. (Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương)

TIÊU CHÍ THU HÚT NHÀ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KCN

I. NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Vốn sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư có tối thiểu từ 15% so với tổng mức đầu tư dự án (ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư có vốn cao hơn)

II. KINH NGHIỆM

Nhà đầu tư đã triển khai ít nhất 01 dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tương đương tại các tỉnh, thành: Bình Dương, Vũng Tàu, Đồng Nai, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; và đã lấp đầy 60% trở lên.

III. KHẢ NĂNG THU HÚT NHÀ ĐẦU TƯ THỨ CẤP

Khả năng thu hút nhà đầu tư thứ cấp (phù hợp quy hoạch ngành nghề) đặc biệt là thu hút nhà đầu tư FDI

IV. ĐIỀU KIỆN CHỌN CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THỨ CẤP

Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thứ cấp đăng ký vào khu công nghiệp phải đảm bảo đúng theo quy hoạch ngành nghề được duyệt và đáp ứng các tiêu chí thu hút nhà đầu tư thứ cấp.

QUY TRÌNH ĐẦU TƯ

Bước 1: Xin quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Bước 2: Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài; Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

Bước 3: Lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

Bước 4: Trình thẩm định thiết kế xây dựng; Thẩm duyệt thiết kế Phòng cháy chữa cháy; Thỏa thuận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cấp điện, giao thông, viễn thông); Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc thẩm định ĐTM.

Bước 5: Đề nghị cho thuê đất, nhận bàn giao đất trên thực địa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bước 6: Đề nghị cấp giấy phép xây. Tổ chức Khởi công và triển khai thực hiện dự án.

Bước 7: Tổ chức nghiệm thu về xây dựng, PCCC, kiểm tra và xác nhận việc đủ điều kiện về đảm bảo an toàn vệ sinh, môi trường.

INVESTMENT PROCESS

Step 1: Apply for a decision on investment policy and issue an investment registration certificate.

Step 2: Establish economic organizations according to regulations for foreign investors; Deposit to secure the implementation of investment projects.

Step 3: Make detailed construction planning project of 1/500 scale.

Step 4: Appraisal of construction design; Appraisal of fire prevention design; Agreement on connection of technical infrastructure (water supply, drainage, electricity supply, traffic, telecommunications); Confirm registration of environmental protection plan or EIA appraisal.

Step 5: Apply for land lease, receive land handover in the field and issue a certificate of land use right.

Step 6: Apply for a building permit. Initiating and implementing the project.

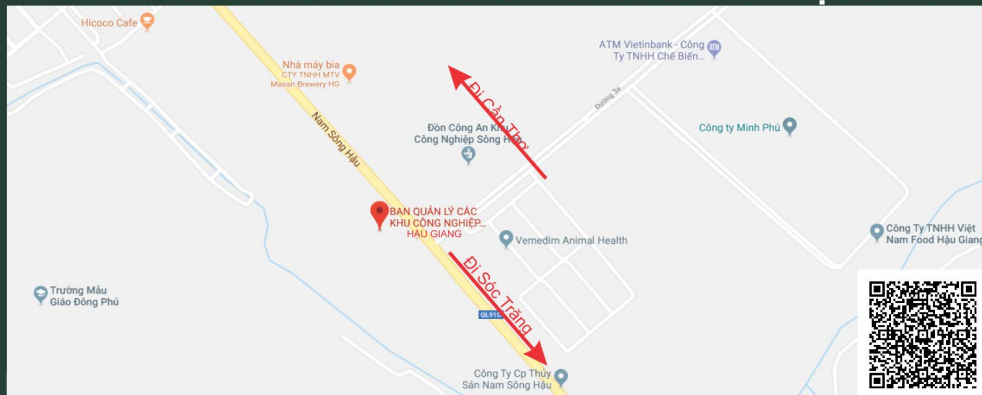
Step 7: Organize the acceptance of construction, fire prevention and fighting, check and confirm the eligibility for safety, hygiene and environment assurance.

PHÍ HẠ TẦNG - INFRASTRUCTURE FEE

STT	Tên KCN (Name IZ)	Mức thu (Rate fee)	Ghi chú (Note)
I. Phí hệ thống hạ tầng (Transport system Fee)			
1	KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1 (Tan Phu Thanh IZ - Stage 1)	4.300VNĐ/m²/năm 0.2 USD/m²/yr	
2	KCN Sông Hậu - giai đoạn 1 (Song Hau IZ - stage 1)	3.200VNĐ/m²/năm 0.15 USD/m²/yr	
3	Phí dịch vụ xử lý nước thải loại B (Waste water fee type B)	6.900VNĐ/m³ 0.3 USD/m³	
II. Phí bến bãi (Port fee)			
1	Đối với xe (Truck)	330 VND/tấn 0.01 USD/ton	
2	Đối với tàu (Ship)	330 VND/tấn 0.01 USD/ton	
III. Phí sử dụng Điện			
1	Giá giờ cao điểm (Peak time)	2.871VNĐ/KWh 0.12 USD/KWh	
2	Giá giờ bình thường (Normal time)	1.555 VNĐ/KWh 0.07 USD/KWh	
3	Giá giờ thấp điểm (Off peak time)	1.007VNĐ/KWh 0.04 USD/KWh	
4	Phương thức thanh toán (Payment method): hàng tháng (monthly)		
IV. Phí sử dụng Nước			
1	Giá nước sạch sinh hoạt (Price of household water supply)	9.700VNĐ/m³ 0.42 USD/m³	
2	Giá nước sản xuất (Price of industrial water supply)	7.500VNĐ/m³ 0.33 USD/m³	
3	Phương thức thanh toán (Payment method): hàng tháng (monthly)		



HƯỚNG DẪN ĐẾN BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH HẬU GIANG



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ - CONTACT

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

Địa chỉ: Km 10, Quốc Lộ Nam Sông Hậu,
Đông Phú, Châu Thành, Hậu Giang
Website: <http://iza.haugiang.gov.vn>

TRƯỞNG BAN

ÔNG: TRẦN NGỌC HÙNG

Điện thoại: 0908 41 63 36

Email: hungtn.kcn@haugiang.gov.vn

VĂN PHÒNG BQL

Điện thoại: 02933.949.949

Email: banqlckn@haugiang.gov.vn

<http://bqlckn.haugiang.gov.vn>

